TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 86/2026/HNGĐ-ST Ngày: 23-4-2026 V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Kế An.

2. Ông Đinh Văn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 288/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị T có đơn xin vắng mặt; anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/12/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày:

Chị với anh H chung sống vợ chồng từ năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 08/10/2020.

Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng khi vợ chồng có con chung vào thánh 3/2021 thì anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã trực tiếp bắt gặp và chị đã lưu tin nhắn qua lại giữa hai người. Ngoài

việc sống không chung thủy, anh H còn về chửi chị, đánh đập chị gây thương tích, không là gì đến con và gia đình.

Nay chị không thể nào chịu đựng được nữa. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 18/3/2021, hiện do chị nuôi dưỡng. Ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ý, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Ý mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu Ý đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T có đơn xin vắng mặt. Anh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh H theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh H chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 08/10/2016, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh H là hợp pháp. Chị T xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như trên, nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh H. Nhưng anh H cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị T, nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh H có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 18/3/2021.

Xét chị T yêu cầu nuôi dưỡng cháu Ý, thấy rằng: Cháu Ý hiện đang sống với chị T đã ổn định. Mặt khác, anh H cũng không phản đối yêu cầu nuôi con của chị T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Ý, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu Ý cho chị T nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Xét, chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Ý mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu Ý đủ 18 tuổi, thấy: Anh H không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ý nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Mức cấp dưỡng mà chị T yêu cầu 2.000.000 đồng/tháng, nhưng anh H không phản đối, nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị T.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có tài sản chung và nợ chung, anh H không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 18/3/2021 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Buộc anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 18/3/2021, mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu Ý đủ 18 tuổi. Thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 5/2026.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H chậm thi hành tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu số 0011343 ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Vậy chị T đã thi hành xong án phí.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị T, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức